

SỐ 2087

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

*Tam tạng Pháp sư Huyền Trang vâng phụng chiếu phiên dịch.
Sa-môn Biện Cơ ở chùa Đại tổng trì soạn thuật.*

LỜI TỰA (1)

Trộm lấy sự rộng lớn của khung nghi phương tải, sự khác lạ đến cùng cực, bao quát về đất há đủ để biện rõ nguyên nhân. Nên biết là điều chưa tuyền trong Phương Chí. Sự chưa kịp trong Thanh giáo, đâu có thể nói hơn thay? Rõ ràng rằng cõi nước Thiên Trúc từ xa xưa lại là nơi các bậc Thánh hiền lấy đó quanh co lăm lóp, nhân nghĩa ở đó đã trở thành phong tục. Nhưng mọi sự đã tuyệt từ xa xưa, cõi nước lại cách biệt với Trung Hoa. Núi kinh chẳng chép ghi, vương hội không viết tả, rộng xem rành rẽ không, vốn ít nghĩ nhớ đến Ấn Trúc. Côn Minh thường bí lối, lằm bậy bày sức ở thần trì, bèn khiến điềm ứng tốt lành phô bày như muôn sao soi sáng, ùn chứa huyền diệu đến cả ngàn năm. Từ khi (Hán Minh Đế) mộng thấy rõ người mang đeo mặt nhật, thần bí soi sáng muôn dặm. Kịp đến lúc Thái Hâm đi phỏng hỏi đạo, tôn giả Ma Đằng vào đến Lạc Dương. Kinh chứa nơi thạch thất, chưa biết áo nghĩa của Long cung. Tượng hạc ở Lương Đài sao cùng vẻ đẹp của non Thửu. Từ đó về sau thời cuộc chính sách có lằm sai lằm, hoạn quan dựng đứng tiếp thừa quyền bính, tan vỡ Đông kinh mà vương đánh trở trời, mẫu hậu thành lửa, cắt đứt trung triều, mà xé rách bức. Hiến chương hết sạch ở Hàm Lạc, đốt đuốc cảnh răn nơi đền ải, bốn phía giao biên nhân đó mà lằm lóp. Huống gì bang quốc ấy cách tuyệt như vậy. Nhưng mà khách câu kỳ hiểm đến thế gian, vãi lại hiện còn ghi chú, sao hết được sở nghi của mọi vật và thể phong. Nhọc tham xét kinh thần chưa cùng

tận yếu chỉ của chân như. Có thời đại nhà Tùy được nhất thống, thật chuyên việc khôi phục biên cương, còn thả trông nhìn tây hải mà than hỏi, ngó lại Đông lạc mà trở trực, dương cờ bày nơi cửa ngọc, tin cũng có lắm người, nhanh nhẹn giẫm trái ngọn nguồn của Thông Lãnh, bởi không đủ thời gian thì sao có thể chỉ Tuyết Sơn mà chạy lông xa, trông Long Trì mà chỉ trong hơi thở. Bởi vì, đức chẳng trùn đến muôn vật, oai chẳng kịp khắp xa.

Từ khi triều đại nhà Đường chúng ta có được thiên hạ, mở mang hoàn vũ, sáng lập Đế đô, quét cướp trộm lẫn lộn mà lắng sạch bước trời, công sánh bằng tạo hóa, sáng tỏ đồng chiếu lâm. Người người đội ân tái sinh, thịt xương nơi mép miệng lang sói, nhà nhà được nhờ tích thọ, hoàn hồn ở gò hoang quỷ vức. Tất cả đều khác loại nơi cỏ khô đường trống, bít xa hoang nơi đất rộng. Chứa mười châu mà ao vòng quanh biển. Nhỏ Ngũ Đế mà men Thượng hoàng. Pháp sư (Huyền Trang) từ thuở bé thơ dần đượm pháp môn, bù ngủi chốn kỳ viên mà chân không giẫm bước, đến lúc trưởng thành nghĩ nhớ Chân tích, ngưỡng mộ Lộ Uyển mà tâm chí thành kiêu kính. Vén xiêm nơi cảnh tịnh, thật chỉ vốn chứa giành, hợp thuận phong nơi Tây yển, thuộc hầu luật ở Đông quy. Vào năm Trinh Quán thứ 3 (629) thời tiền Đường, pháp sư mang trượng tích men theo đường. Giúp Hoàng Linh mà chỉ khác tục, mạo xung lắm hiểm trở mà vẫn như thường, nhờ thầm giúp mà đạp bước đường kinh sợ, dần hẳn nguy mà đã qua, lạnh dức lác mà chợt đời, lần lượt mới đạt. Nói tìm chân tướng, thấy chẳng giữa khoảng có không, rộng xét tinh vi, nghe không nghe ở ngăn sinh diệt. Mở rộng các mối nghi giữa biên tánh, khai sáng Diệu giác tại bến mê. Từ đó gồm tất các kinh không mảnh lời nào mà chẳng cùng tận. Không xét cách Thánh tích, không một vật gì mà chẳng trông xem, giẫm trái nhiều năm mới bắt đầu xoay trở lại. Đến tháng giêng năm Trinh Quán thứ 19 (646) thời tiền Đường, pháp sư về đến Trường An. Các kinh luận thỉnh mang về được có cả thảy 657 bộ, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) có ban chiếu phiên dịch đó.

Pháp sư đã giẫm bước qua 110 đất nước, được truyền nghe có 28 nước, hoặc sự kiện thấy ở kinh điển trước, hoặc tên mới có ở đời nay, không gì chẳng hưởng hòa nhuần đượm. Cúi đầu mà biết chỗ trở về, xin mời quan lại cách âm, men thang núi mà phụng tiễn, cung đình mừng vui mà cùng hoan nghinh, tiếp nối đại mao mà thành đoàn, sản vật đó khác với thổ phong, tập tục ấy lạ với sông núi. Xa thì xét xem nơi sách nước, gần thì dò hỏi tại các bậc lão thành, tí mờ khác phương, y nhiên như tại trước mắt, không nhọc cầm bản đã rõ ràng do tố, đề tên là “Đại

Đường Tây Vực Ký” một bộ 12 quyển, trộm chỉ viết sự ghi lời, hẳn đã biên tập nơi vi uyển. Từ vụn nói nhỏ mong có bổ ích cùng Di Khuyết.
Bí thư trước tác lang kinh khơi lời tựa vậy.

LỜI TỰA (2)

Thượng thư tả bệ xạ Yến quốc công Trương thuyết chế.

Phàm là Ngọc hào tỏa chiếu, cam lồ rưới khắp đại thiên, Kim Cảnh khởi sáng, luân phong lan cùng hữu tiệt. Nên biết thị hiện nơi tam giới bèn xứng tôn quý của thiên hạ, tỏa sáng bốn phương thử nêu to lớn trong đất trời. Cho nên tuệ nhật trầm ảnh, dấu vết Tượng Hóa xoay về đông. Vận vua mở rộng, bước Đại Chương dẫn cùng Tây. Tại đạo tràng chùa Từ Ân có Tam Tạng pháp sư húy Huyền Trang, vốn giòng họ Trần, tiên tổ xưa trước người xứ Dĩnh Xuyên. Xưa kia, Đế Hiên bày tượng, ém Hoa chữ mà mở nguồn. Đại Thuấn đãi môn, gốc Lịch sơn mà động kết. Ba kính chiếu soi cơ tải, sáu ky sáng rõ Hán Kỳ. Thư tấu mà tiếp thừa trăng tỏ, đi đường mà nhóm tụ sao đức. Buông hang liền vẫy, vun gió bằng cách. Đồi giúp cho vẻ đẹp, chứa làm thành cảnh trụ, pháp sư dấm xéo tốt lành mà dẫn sinh, ngâm hòa giáng đức. Kết căn sâu mà tươi tốt, dẫn nguồn thăm mà linh trường. Vừa tuổi mơ lạ rắng hiện ngời trăng tỏ, đến tuổi vốc cát, lan huân quế ngát hương. Kịp đến thời thành lập, trì nghệ hết phần tố, chín ven dần ảnh hưởng, năm phủ giao kết đàn. Bởi vì sớm tỏ ngộ chân giả, trước rõ rành từ tuệ. Soi chân thuyên mà chờ đợi lâu dài, nhìn tử sinh mà trọn dứt nghĩ. Và thao đồ giải tía thật lưới mầu của hữu giới. Xe báu gói son chánh bến đường xuất thế. Do đó, gạt rơi bụi trần chặn đực, nói trở về cúng nhân khoáng, khiến anh đầu là pháp sư Tiệp là bậc rường cột của Thích môn, chiếm vị long tượng ngay thân thế, nổi trội Thu Lộ ở đương thời. Khấp triệu đình đến thôn dã đều mến thích không du ấy, trong ngoài ham muốn thanh thái đó. thế rồi, tình sâu bạn mến, đạo hòa thiên luân, pháp sư đượm phục chuyên cần thỉnh ích, tác bóng chẳng bỏ. Học nghiệp tỏa sáng đứng đầu, cất cao anh tú rừng đàn, đức hợp trung dung, vút tỏa hương thơm lan thát. Vác sách đường bần, ân chín bộ mà nuốt mộng, gõ chèo bến huyền, gá bến vi mà nhỏ dốt. Từ đó, rảo bước khắp Đàm tứ, chuyển đổi cùng nóng lạnh, công đã đạt thành khả năng cũng hoàn tất. Đến lúc thái sơ nhật nguyệt, đuổi soi linh đài, tử vân đại duyệt, phát

huy thần phủ, khi ấy vẫn vàng tam mở đợi giá thu mà bay vút theo mây. Chuôi ngọc vừa phẩy mặc áo sương móc mà gợn sóng. Như gặp được yếu chỉ của người đầy kinh nghiệm, tự rõ ràng vi diệu của sắc cầm, vì đa văn như nước rót bình, nổi thuyền không mà riêng xa vợ, mới đến đất của Hoàn Kiên, trước gạt bỏ khoe khoang của lòng sắt, quê hương tỉnh lạc, vội bày nén nổi khác lạ, xa gần đều kính chuộng, vì vậy mà nói rằng: “xưa trước nghe họ Tuân có 8 rồng, ngày nay nhà Trần có hau ngựa ký. Ông khác lạ lắm nhiều kỳ sĩ”. Thật thay lời ấy! Pháp sư từ thừa bé mãi đến lúc trưởng thành, buông tâm nơi huyền lý, danh vang cùng tiên đạt, bộ chấp tương giao rong ruổi, chạy theo ngọn cỏ quên gốc, nhật nhạn phù hoa bỏ mất chân thật, bèn có lối học nam bắc khác nhau, phải quấy phân vân chằng chịt. Trọn nói đến đây bèn liền lùi ngùi, hoặc sợ truyền dịch lẫn lộn, chưa thể nơm đón đến cùng. Muốn tận cùng văn của Hương tượng, dấu hết mắt của Long cung, dùng đức tuyệt luân, trông nhìn mong mỏi của Hội Xương, chống tích phẩy y, lần lượt đến cảnh vực xa. Khi ấy, trái Huyền Bá mà xa trông, chỉ thông lãnh mà nấn vết. Nước non xa dài, nếm đủ mọi gian nan nguy hiểm xấu xa. Rộng trông nhìn đó chẳng xa. Cười Pháp Hiển cho đó là hạn cục. Với những nơi dẫm bước qua thấy đều nghiên cứu phương ngôn khắc cầu sâu mầu, khéo tận cùng bến hội ngộ. Khi ấy ngôn từ phát ra thư vàng, tinh anh bay cùng Thiên Trúc. Văn truyền bối điệp, bèn trở về Chấn Đán. Bấy giờ, Thái Tông Văn Hoàng Đế (Lý Thế Dân 627 - 650) đang ngự Kim Luân, ngôi báu ngồi trên, chuyển đợi không huy. Vời thấy trên Thanh bồ, mới nhìn theo thể thức thường. Trước gối giữa khoang Hoàng Ốc, ban chiếu viết tay buộc ràng. Trung Sứ Kế tiếp đường, cúi bắt Duệ Tư, mới chế tác bài tựa “Tam Tạng Thánh Giáo” gồm cả thảy 780 lời. Ngày trước, vua ở tại Xuân Vi, chế thuật “Thanh ký” gồm 579 lời, mở bến huyền diệu, ghi ý chỉ đức Phật đương. Như chẳng phải đạo ngài Kê Lâm, vẻ vang non Thửu, đâu có thể xa giáng Thần Tảo để nêu bày ưu tú ở đương thời, pháp sư vâng phụng sắc chiếu phiên dịch Phạm bản gồm cả thảy 657 bộ, đầy đủ trông nhìn phương xa khác tục, vùng tuyệt cảnh đất nước thuần phong, mọi sở nghi của bản xứ tường tự của nhân luân. Kịp đến chánh sóc, nhân sự sâu xa của Thanh giáo, bèn trước thuật “Đại Đường Tây Vực Ký” khắc thành 12 quyển, biên ghi điển áo, gồm khơi xét rõ, lập lời không hư bại. Ấy tại đây vậy.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ

QUYỂN 1

(Nói về 34 nước)

1. Nước Kỳ Ni
2. Nước Khất Chi
3. Nước Bạt Lục Ca
4. Nước Vô Xích Kiến
5. Nước Giả Thời
6. Nước Bồ Hãn
7. Nước Tốt Đồ Lợi Sắt Na
8. Nước Táp Mạt Kiến
9. Nước Nhị Mạt Hạ
10. Nước Khư Bồ Đát Na
11. Nước Khất Sương Nhĩ Già
12. Nước Hát Hãn
13. Nước Bồ Hát
14. Nước Rạt Địa
15. Nước Hóa Lợi Tập Di Già
16. Nước Yết Sương Na
17. Nước Đát Mật
18. Nước Xích Ngạc Diễn Na
19. Nước Hốt Lộ Ma
20. Nước Thâu Mạn
21. Nước Cúc Hòa Diễn Na
22. Nước Hoạch Sa
23. Nước Kha Đốt La
24. Nước Câu Mê Đà
25. Nước Phược Già Lãng
26. Nước Hốt Lộ Tất Mẫn Kiện
27. Nước Hốt Lãm
28. Nước Phược Hát

29. Nước Duệ Mạt Đà
30. Nước Hồ Thật Kiện
31. Nước Đất Thích Kiện
32. Nước Yết Chức
33. Nước Phạm Diễn Na
34. Nước Ca Tất Thí

Tuyển chọn qua Hoàng Đức Phật, xem xét xa về Đế Lục. Từ lúc mới đầu Bao Hy ra chấn, Hiên Viên rủ áo, do đó Ty Chấn Lê Nguyên Cương họa phân dã, kịp đến lúc Đường Nghiêu Thọ Thiên vận sáng hợp khắp bốn phương, Ngũ Thuấn nhận địa đồ, đức tỏa cùng chín cõi. Từ đó về sau, không truyền sách viết sự. Xa nghe tiền tu, không nghe sử ghi lời, như thời gặp có đạo, vận thuộc vô vi ấy vậy!

Triều Đại Đường chúng ta trụ vì thiên hạ theo trời, nương thời vận cầm nắm kỷ cương, một là sáu hợp mà tỏa sáng, bốn là Ba Hoàng mà soi chiếu, huyền hóa lưu tràn, gió lạnh xa thổi, đồng với sự che chở của đất trời, bằng cùng đượm vổ của gió mưa. Cùng như Đông Di vào triều cống, tây nhung liền tiếp theo, mở sáng sự nghiệp, dẹp loạn phản chánh, nên gì bước vượt vua trước, bao quát đời xưa. Đồng văn cùng khuôn phép, đặt trị thần công. Nếu chẳng ghi truyền, thì không lấy gì để tán thán đạo lớn, nếu không soi sáng tuyên bày thì chẳng do đâu mà tỏa sáng nghiệp thịnh. Huyền Trang tôi tùy nói đi đến, nên bày phong thổ ở xứ đó, tuy chưa xét phương biện tục, nhưng tìm cũng đã vượt 5 quá ba. Tất cả Hàm sinh đều được vui đượm, với loài biết nói không ai chẳng xưng công. Vượt từ Thiên phủ kịp đến Thiên Trúc, các vùng tối tăm hoang vu khác tục, cùng vực khác bang, đều tiếp thừa chánh sóc đồng đượm nhuần thanh giáo, tán thán tích chức võ công, đọc tụng cảm thành miệng thật, ngợi khen hưng thịnh văn đức, vẻ vang làm xứng đầu, rộ xem nơi sách sử, chỗ chưa từng nghe, xa chỉ Đồ Điệp, thật không cùng hai, chẳng có chỗ bắt đầu, sao có thể ghi về hóa hợp? Nay y cứ sự thấy nghe mà ghi lại đây vậy.

Nhưng mà thế giới Sách Ha (xưa trước gọi là thế giới Sa Bà, lại còn gọi là thế giới Sa Ha, đều là sai nhầm vậy) có ba ngàn đại thiên cõi nước, là nơi nhiếp hóa của một đức Phật. Nay đây chỉ một mặt trời một mặt trăng soi chiếu. Bốn thiên hạ tức chỉ cho trong ba ngàn đại thiên, chư Phật Thế Tôn đều ở trong đây xót thương giáo hóa, hiện sinh hiện diệt dẫn Thánh dẫn phàm. Núi Tô Mê Lô (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là núi Diệu Cao, xưa trước gọi là Tu Di, lại còn gọi là Tu Di Lô đều là sai nhầm gọi lược vậy), do bốn vật báu hợp thành, tại

trong biển lớn, y cứ trên kim luân, nơi nhật nguyệt soi chiếu quanh, chỗ nhà đến dừng nghỉ của chư thiên, bảy núi bảy biển vây quanh cao vợi vây quanh liệt bày. Giữa khoảng núi trống biển nước đủ tám công đức. Ngoài bảy núi vàng mới là biển mặn. Trong biển là nơi có thể ở được, đại lược là có bốn châu. Phía đông là Tỳ đề ha châu (xưa trước gọi là Phất Bà Đề, lại còn gọi là Phất Ưu Đãi, đều là sai nhầm vậy), phía nam là Thiện Bộ châu (xưa trước gọi là Diêm Phù Đề châu, còn gọi là Diêm Phù châu, đều là sai nhầm vậy). Phía tây là Cù Đà Ni châu (xưa trước gọi là Cù Da Ni, lại còn gọi là Đích Già Ni, đều là sai nhầm vậy). Phía bắc là Câu Lô châu (xưa trước gọi là Uất Đơn Việt, lại còn gọi là Cưu Lô, đều là sai nhầm vậy). Kim Luân Vương là nhiếp hóa khắp tứ thiên hạ, Ngân Luân Vương thì nhiếp chánh trừ cách bắc Câu Lô. Đồng Luân Vương thì trừ cách bắc Câu Lô và Tây Cù Đà Ni, Thiết Luân Vương thì chỉ thống nhiếp Thiện Bộ châu. Phàm nói là Luân vương tức ngôi vị lớn, tùy phước đức cảm nên, có xe báu lớn nổi giữa không trung mà lại ứng, đều có sự khác biệt giữa vàng, bạc, đồng, sắt. Và cảnh có sai biệt bốn ba hai một, nhân điểm lành sáng ấy tức lấy làm tên hiệu, thì đất trạng của Thiện Bộ châu tức là ao A Na Bà Đáp Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vô Nhiệt Nã, xưa trước gọi là ao A Nậu Đạt, đều là sai lầm vậy) tại phía nam núi Hương và thuộc phía bắc núi tuyết lớn, chu vi rộng hơn 800 dặm. Các vật vàng, bạc, lưu ly, pha chi nghiêm sức trên bờ ấy. Cát vàng tràn đầy, đáng trong gợn ảnh, có vị Đại Địa Bồ-tát dùng nguyện lực nên hóa làm Long Vương ở trong vườn nhà ngầm, lưu xuất ra nước mát lạnh cấp cho Thiện Bộ châu. Vì vậy về mặt phía đông ao là có miệng trâu bạc lưu xuất ra sông Khắc Già (xưa trước gọi là Hằng Hà, còn gọi là Hằng Già, đều là sai nhầm vậy) lượn quanh ao một vòng rồi đổ vào biển ở phía đông nam. Về mặt phía nam ao có miệng trâu vàng lưu xuất ra Tín Độ (xưa trước gọi là sông Tần Đầu là sai nhầm vậy) lượn quanh ao một vòng rồi đổ vào biển phía tây nam. Về mặt phía tây ao có miệng ngựa lưu ly lưu xuất ra sông Phược Sô (xưa trước gọi là sông Bác Xoa là sai nhầm vậy) lượn quanh ao một vòng rồi đổ vào biển phía tây bắc. Về phía bắc ao có miệng sư tử pha chi lưu xuất ra sông Tỷ Đa (xưa trước gọi là sông Tư Đà là sai nhầm vậy) lượn quanh ao một vòng rồi đổ vào biển phía đông bắc. Hoặc có thuyết nói ngầm dòng dưới đất lưu xuất ra núi Tích Thạch tức là dòng của sông Tỷ Đa làm nguồn sông của nước Trung Hoa vậy.

Bấy giờ không có Luân vương ứng vận. Đất xứ Thiện Bộ châu có bốn chủ. Phía nam có Tượng (voi) chủ vì nắng nóng ẩm thấp thích nghi

với voi. Phía tây có Bảo chủ là gần biển có nhiều vật báu. Phía bắc có Mã (ngựa) chủ vì lạnh cứng hợp với ngựa, phía đông có Nhân (người) chủ. Bởi hóa sương đông nhiều người. Nên nước của Tượng chủ tiết thác mãnh liệt dốc học, ưu đặc nhân du dị thuật, mặc thì quần khăn vai hữu, đầu thì từ nhục kế rủ tóc bốn phía, tộc loại ở ấp, phòng nhà tầng gác. Làng của Bảo chủ thì không có lễ nghĩa chỉ quý trọng của cải, chế vật áo ngắn bên tả, cắt tóc để râu, có chùa thành quách, chuyên việc buôn bán tài lợi. Tập tục của Mã chủ thì bầm chất hung bạo, tánh tình chịu khó giết hại, mà trường mềm mịn lò cao, chim muông nướng ở bèn đuổi bắt lấy. Địa vực của Nhân chủ, phóng tục khéo ân huệ, nhân nghĩa rõ soi, mào đai vạc áo phía hữu, xa phục có thứ lớp, an ở đất lại đổi đời, chuyên bầm chất có từng loại.

Về phong tục của ba chủ thì phương đông là ưu thượng, nhà họ ở thì cửa mở xoay về hướng đông, lúc sáng sớm trông về hướng đông mà kính bái. Đất của Nhân chủ thì mặt hướng nam là quý, phương tục khác phong hóa, đại khái là như vậy. Đến như lễ của vua tôi trên dưới, nghi của Hiến Vương Văn Quỷ, đất của Nhân chủ không đâu thêm hơn nữa. Huấn răn của lãng lòng thích lụy, giáo nghĩa của thoát lia sinh tử. Nước của Tượng chủ, về lý thật ưu việt vậy. Đó đều mang cả kinh cáo, hỏi các thổ tộc, rộng mở xưa nay, xét rõ thấy nghe. Nhưng mà đức Phật xuất hiện ở phương tây, giáo điển lưu truyền đến phương đông, thông dịch âm sai nhầm, phương ngôn nói xằng b65y. Âm sai nhầm thì nghĩa mất, lời xằng bậy là trái lý, nên nói ác chánh danh ư? Quý ở điểm không trái bậy vậy. Phạm người có tánh cương nhu khác biệt, lời tiếng chẳng đồng, đó bởi buộc khí phong thổ, cũng là do tập tục tạo nên. Như về sự khác nhau của núi sông vật sản, sự sai biệt của phong tục tánh loại thì đất của Nhân chủ trong Quốc sử ghi đã rõ ràng. Tập tục của Mã chủ, làng quê của Bảo chủ, sử cáo đã ghi đủ, có thể lược mà nói đó. Đến như nước của Tượng chủ, xưa trước chưa rõ ràng, hoặc ghi đất lắm nắng nóng ẩm thấp, hoặc ghi tập tục ưa thích nhân từ, vả lại hiện còn ở Phương Chí chẳng thể rõ cùng. Đâu thể là đạo có tận cùng của hành tàng, đời có vận đổi thay chuyển dời vậy. Vậy biết Hầu luật vì quy hóa, uống đượm mà lại đón, vượt lấm lớp hiểm trở mà nghi là ngọc môn, cống dâng Phương kỳ mà kính bái ráng khuyết, bởi khó mà nói được vậy. Do đó nên đi xa phỏng hỏi Đạo, nhân lúc nhân rảnh thỉnh hỏi điều lợi ích còn ghi về phong thổ. Từ Hắc Lãn trở lại không gì chẳng phải tập tục của người Hồ, tuy người Nhung đồng tập quán, mà tộc loại mỗi phân khác, họa vẽ biên giới phong ranh biên cương, đại khái là lấp đất, xây dựng thành quách,

công việc trồng lúa chăn nuôi, tách trọng của cải, tục xem thường nhân nghĩa, cưới gã không lễ nghi, tôn ti không thứ lớp. Vợ nói thì dùng, chõng ngồi nam ở dưới, chết thì thiêu đốt thi hài, kỳ hạn an táng vô số, sửa mặt, rạch tai, cắt tóc xé xiêm, giết hại các thức súc vật cúng tế u hồn. Tốt lành mới mặc y phục sắc trắng, hung xấu thì mặc áo sắc đen, đồng phong loại tục, lược nêu sơ qua. Chính sách quy chế khác biệt thì túy xứ riêng nêu bày. Phong tục của Ấn Độ nói ở phần sau. Ra khỏi xứ cũ của Cao Xương, bắt đầu từ gần tức là nước A Kỳ Ni (xưa trước gọi là nước Ô Kỳ).

1 - Nước A Kỳ Ni

Nước A Kỳ Ni hai phía đông tây dài hơn 600 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 400 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 6 - 7 dặm, bốn mặt đều tựa ven núi, đường đi hiểm trở rất dễ gìn giữ. Suối chảy đan xen nhau dẫn nước làm ruộng. Đất đai thích nghi với lúa môn lúa mùa lúa tẻ và các loại cây trái hương táo, bồ đào, lê, nài, v.v..., khí hậu hòa sương, phong tục chất trực, văn tự thì theo lối chữ của Ấn Độ, ít có lụa là vải quyên, vận mặc bằng áo hạc vải gia, cắt tóc ngắn, không có khăn, buôn bán đổi chác bằng tiền vàng, tiền bạc, tiền đồng nhỏ. vua nước đó là người hùng dũng mà ít mưu lược, thích tự dấy quân đầu đánh. Nước không có kỷ cương, luật pháp chẳng nghiêm túc. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng hơn 2000 vị, tập học theo giáo nghĩa Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Kinh giáo luật nghi đều tuân theo Ấn Độ. Người tập học tức y cứ ngay văn mà thưởng ngoạn, giới hạnh luật nghi thanh khiết chuyên cần, nhưng ăn dùng lẫn tạp tam tịnh nhục, còn ứ trệ nơi tiệm giáo vậy. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm, vượt qua một quả núi nhỏ và hai dòng sông lớn, lại theo hướng tây vượt qua vùng đồng bằng có sông nước, và đi hơn 700 dặm là đến nước Khuất Chi (xưa trước gọi là nước Quy Tư).

2-Nước Khuất Chi

Nước Khuất hai phía đông tây dài hơn ngàn dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 600 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 17 - 18 dặm. Đất đai thích nghi với lúa môn lúa tẻ, lúa canh, lúa giê, lại sản sinh các thứ bồ đào, thạch lựu, có lắm nhiều lê, nài, đào, hạnh. Đất đai còn lại sản sinh các thứ vàng, đồng, sắt, dung dịch, khí hậu điều hòa, phong tục thuần chất. Văn tử sử dụng tắc của Ấn Độ và hơn có phần biến đổi. Với các thứ đàn sáo kỹ nhạc đặc biệt khéo hay hơn các nước

khác, vận mặc áo hạt gấm, cắt tóc ngắn có thân quấn đầu. Buôn bán đổi chác bằng tiền vàng, tiền bạc và tiền đồng nhỏ. vua thuộc chủng tộc Khuất Chi, trí mưu kém ít mờ mịt, mà áp bức các thần tử mạnh, nước đó có tập tục sinh con tức dùng gỗ cây kẹp vào đầu vì muốn nó dẹp quanh. Có hơn trăm ngôi già lam, tặng chúng hơn 5000 vị, tập học theo giáo nghĩa Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Kinh giáo luật nghi lấy tắc của Ấn Độ, tập đọc tực cứ vào bản văn gốc, còn bó buộc với tiệp giáo, ăn dùng xen tạp tam tịnh nhục, khiết tịnh thanh bạch ham học mọi người lất đó tranh công.

Tại phía bắc thành thuộc phía đông nước đó, trước đền thờ trời có một ao rộng lớn. Các rồng luôn thay hình biến dạng giao hợp với ngựa cái, bèn sinh ra loài Long câu tánh nét ngang ngạnh khó cưỡi. Con của Long câu mới là thuần giá, do đó nước ấy phần nhiều sinh ra các ngựa tốt. Nghe các vị lão túc nói rằng: “gần đây có một vị vua tên là Kim Hoa, dùng chánh sách giáo hóa trị dân rất sáng sủa xác thực, nên cảm có rồng để nường cưỡi, vua ấy đến lúc sắp băng hà dùng roi xúc chạm tai rồng. Nhân đó rồng liền lẩn ẩn mãi đến ngày nay. Trong thành không có giếng nên nước dùng lấy từ ao hồ ấy. Rồng biến làm người cùng các phụ nữ giao hợp nên sinh con khoẻ mạnh nhanh nhẹn, chạy kịp với ngựa trông, như thế dần nhiễm con người đều là giống rồng, cậy thế sức lực ra oai, không cung kính vương mạng. vua mới dẫn đưa binh lính Đột Quyết đánh giết người ở thành đó, lớn nhỏ thấy đều bị giết, lược không còn loại cắn nhai. Nay tại thành đó hoang tàn, người vật khói lửa đều hết hẳn.

Từ thành hoang tàn ấy đi về phía bắc cách hơn 40 dặm, tiếp liền với Sơn a, lại cách một dòng sông, có hai ngôi già lam cùng đồng tên là Chiêu Hồ Ly, mà đông tây tùy xưng gọi. Phật tượng trang sức nghiêm lệ, hết khả năng tài khéo của các người thợ. Tặng chúng thanh tịnh trai giới thật rất mực chuyên cần. Trong Phật đường chùa Đông Chiêu Hồ Ly có một tảng ngọc thạch mặt rộng hơn hai thước, sắc màu ven theo vàng trắng, tướng trạng như Hải cấp (nghêu biển), trên mặt đá ấy có in dấu chân Phật dài một thước tám tấc, rộng hơn sáu tấc. Có lúc trong các ngày trai tủa phóng ánh sáng. Ngoài cửa phía tây thành lớn hai bên đường đi mỗi mỗi đều có tôn tượng đức Phật đứng cao hơn 90 thước. Trước tượng ấy là nơi cứ năm năm kiến lập đại hội một lần. Mỗi năm vào dịp thu phân, khoảng vài mươi ngày, tất cả các hàng chư tăng trong nước đều nhóm tập lại, trên từ các bậc quân vương dưới đến các hàng sĩ thứ để phế bỏ việc thế tục chẵn chuyên phụng trì trai giới, thọ đọc

kinh nghe giảng pháp trọn ngày không mỗi mệt. Các ngôi Tăng-già lam trang nghiêm Phật tượng dùng các vật quý báu ánh ngời để nghiêm sức, lại dùng các thứ gấm lụa trang sức xe kiệu để nghinh chở, gọi đó là tôn tượng đi, động đến có cả số ngàn đều cùng nhóm tập về hội. Thường là chiều tối ngày 15 tháng 03, quốc vương và đại thần cùng nhau bàn tính việc nước nhà, phỏng hỏi ý kiến các bậc cao tăng sau rồi mới tuyên bố.

Từ hội trường về hướng tây bắc vượt qua dòng sông đến ngôi già lam A Xa Lý Nhị (tiếng Trung Hoa thời tiền đường gọi là Kỳ Đặc), sân nhà thoáng rộng. Phật tượng trang nghiêm kỳ công, chư tăng chỉnh túc hòa mục tinh cần chẳng biến trễ, đều là các bậc kỳ ngãi túc đức thạc học, cao tài. Các hàng anh tài tuấn tú ở các phương xa kính mộ Đức Nghĩa đều đến nương ở. Các hàng quốc vương sĩ thứ hào gia chuyên lo cúng dường tứ sự, lâu dần càng sùng kính. Nghe các bậc lão đức nói là xưa trước Tiên vương nước đó rất sùng kính Tam bảo, sắp muốn du phương tham quan kính lễ các Thánh tích, mới bảo ban mẫu cùng con trông coi công việc còn lại. Người em ấy vâng nhận mạng lệnh, trộm tự cất hạt dái để phòng những mầm mống chưa phát sinh, đặt để trong hộp vàng mang giao lên vua. vua hỏi: “ấy là vật gì?”. Người em ấy đáp: “Nên đợi đến ngày xa giá trở về rồi hãy mở xem”. vua bèn giao cho quan trông coi công việc theo quân gìn giữ. Đến lúc vua trở về, quả nhiên có người dựng điều họa sàm tấu là: “vua bảo trông coi nước nhà mà gây ra dâm loạn trong cung”. vua nghe thế phát giận, muốn đặt xét nghiêm hình. Người em ấy nói: “Không dám trốn tránh điều trách phạt, xin mở hộp vàng trông xem”. vua bèn bảo mở hộp vàng để trông xem thì ra đó là hạt dái, vua hỏi: “vật gì lạ vậy, muốn làm rõ điều gì?”. Người em ấy đáp: “Ngày trước, lúc du phương, vua bảo ban trông coi việc còn lại, sợ có người sàm tấu điều họa, nên tự cất hạt dái để tự rõ ràng, nay quả thật có xảy ra điều đó, xin rủ lòng xét xem!”. Vua rất kinh dị, tâm tình càng thấm đượm lớn mạnh, từ đó ra vào nơi nội cung không còn phải ngăn ngại. Về sau, người em ấy thường gặp một người nuôi giữ 500 con trâu, muốn giết thịt nó, người em ấy thấy mà nghĩ suy dẫn lại càng thêm xót thương, ta nay thân hình bị khuyết thiếu, đâu chẳng phải do nghiệp xưa trước! Bèn đem các thứ của cải vật báu để chuộc đàn trâu ấy. Do sức từ thiện nên hình tướng nam căn dần hồi đầy đủ. Vì hình tướng đầy đủ nên bèn chẳng vào trong cung. vua lấy làm quái lạ mà hỏi đó. Người em ấy mới tỏ bày đầu đuôi sự việc. vua lấy làm đặc, bèn tạo lập ngôi già lam, để tán dương vết đẹp lưu truyền hương thơm cho đời sau.

Từ đó theo hướng tây đi hơn 600 dặm, vượt qua bãi sa mạc nhỏ đến nước Bạt Lục Ca (xưa trước gọi là Lô Mặc, hay là Hàm Mặc).

3- Nước Bạt Lục Ca.

Nước Bạt Lục Ca hai phía đông tây dài hơn 600 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 5 - 6 dặm. Đất đai thích nghi, khí hậu thuận hòa phong tục tánh người, phép tắc văn tự thì đồng như ở nước Khuất Chi, nói rằng có phần khác chút ít. Vận mặc đệm gia nhỏ mịn, áo hạt nhỏ mịn, các nước lân cận rất quý trọng đó. Có khoảng vài mươi ngôi già lam, tăng chúng có hơn ngàn vị, tập học theo giáo điển Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ.

Từ nước đó về phía tây bắc đi hơn 300 dặm vượt qua sỏi đá đến Lăng Sơn, đó tức cao nguyên phía bắc Thông Lãnh, các dòng sông phần nhiều xuôi chảy về hướng đông. Hang núi luôn chứa tuyết, mùa xuân mùa hạ đều ngưng đọng, tuy có lúc tiêu tan song sau đó lại kết đóng băng lại. Đường đi qua rất hiểm trở, gió lạnh thảm khốc, phần nhiều hay gặp nạn rồng dữ phạm hại người đi đường. Mọi người đi theo con đường ấy không được buông áo, cầm nắm trái bầu kêu la lớn tiếng, hơi có chút trái phạm, tai họa mắt trông thấy, gió bão mạnh dữ, cát bay mưa đá, những người gặp phải hấn mất mạng khó mong sống sót. Lại đi theo đường núi hơn 400 dặm đến ao Đại Thanh (còn gọi là Nhiệt Hải hay Hàm Hải) chu vi rộng hơn ngàn dặm, hai phía đông tây thì dài, hai phía nam bắc nhỏ hẹp. Bốn mặt men theo núi, các dòng đều tuôn chảy đan xen. Sắc màu đeo theo xanh đen, mùi vị có phần mặn đắng. Sóng lớn nhiều dơ bẩn, kinh sóng chìm vẫn đục, cá rồng chung ở lẫn lộn, linh quái hiện khởi, do đó mọi người qua lại luôn vì cầu phước, các loài thủy tộc tuy lắm nhiều mà chẳng dám vớt bắt. Từ ao Đại Thanh về phía tây bắc đi hơn 500 dặm đến thành Tố Diệp Thủy, chu vi thành ấy rộng khoảng 6 - 7 dặm. Thương buôn người Hồ tại các nước đến chung sống lẫn lộn. Đất đai thích nghi với lúa môn lúa tẻ, bồ đào, cây rừng sơ sài, khí hậu men theo gió lạnh, mọi người vận mặc áo hạt vải gia. Từ thành Tố Diệp Thủy trở về hướng tây có vài mươi thành quách đơn lẻ. Thành đều đứng dài. Tuy chẳng cùng vâng mạng nhưng đều phục dịch lệ thuộc Đột Quyết. Từ thành Tố Diệp Thủy đến nước Yết Sương Na, đất tên là Tốt Lợi, mọi người cũng gọi là như vậy, văn tự nói năng tức tự tùy xưng. Nguồn chữ giản lược vốn chỉ có hơn 20 lời, triển chuyển tương sinh dần trái rộng sâu. Mới đầu tổ tiên có ghi viết, dựng đọc văn ấy, xa cùng truyền trao, thầy trò không ngâm mất. Mọi người vận mặc

áo hạt vải giã, y phục làm bằng da giã. Xiêm mặc viền gấp, cắt tóc ngang bằng để bày đánh đầu, hoặc cắt cạo toàn bộ, dùng vải lụa quấn quanh vầng trán, dáng mạo to lớn, chỉ tánh nhác sợ, phong tục bạc bẽo, lắm nhiều hành vi dối trá, đại để là chỉ biết tham cầu, cha con cùng tính lợi lẫn nhau, chỉ biết của cải lắm nhiều là quý, thuần lương nghèo hèn không đều nhau. Tuy giàu có tiền vạn, nhưng ăn mặc thô xấu. Những người dùng sức ruộng nương trực lợi có xen tạp một nữa.

Từ thành Tố Diệp Thủy theo hướng tây đi hơn 400 dặm đến xứ Thiên Tuyền (ngàn suối). Tại xứ Thiên Tuyền đất đai rộng hơn 200 dặm. Phía nam đối diện núi tuyết, còn lại ba phía đất phẳng bằng. Nước đất thấm nhuần, cây rừng sơ sài. Đến tháng cuối xuân, tạp hoa đan dệt, suối ao có cả ngàn dòng nên gọi tên như vậy. vua rợ Đột Quyết tên là Khả Hàn thường đến đó lánh nắng nóng. Trong đó có đàn nai, phần nhiều đeo mang linh khánh, thuần quen với người, chẳng hề sợ chạy, Khả Hàn rất mến thương đó, ban sắc thuộc hạ như ai dám giết hại thì hẳn bị giết không tha nên đàn nai ấy được trọn chung sống đến già. Từ Thiên Tuyền đi về hướng tây khoảng 140 - 150 dặm đến thành Đát Ca Tư, chu vi thành ấy rộng khoảng 8 - 9 dặm. Thương buôn người Hồ ở các nước chung sống lẫn lộn tại đó. Đất đai thích nghi khí hậu thuần hòa phần lớn đều như ở thành Tố Diệp Thủy. Lại theo hướng nam đi hơn 10 dặm có một thành nhỏ đơn lẻ có hơn 300 hộ dân sinh sống; họ vốn là người Trung Quốc, xưa trước bị Đột Quyết đánh cướp. Sau đó cùng tụ hợp mọi người đồng nước chung nhau giữ gìn thành ấy, trong đó vườn nhà ăn ở vận mặc đi lại đều đồng như Đột Quyết, nói rằng ngôn từ nghi quỹ còn giữ bản sắc nước nhà. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm đến thành Bạch Thủy, chu vi thành ấy rộng 6 - 7 dặm, mọi vật đất đai sinh sản, thích nghi của phong khí ưu thắng hơn ở thành Đát Ca Tư. Lại theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm đến thành Cung Ngự, chu vi thành ấy rộng khoảng 5 - 6 dặm, vườn đồi ẩm thấp phì nhiêu, cây rừng tươi tốt. Từ đó lại theo hướng nam đi 40 - 50 dặm đến nước Nô Xích Kiến.

4 - Nước Nô Xích Kiến.

Nước Nô Xích Kiến chu vi rộng hơn ngàn dặm, đất đai đượm nhuần phì nhiêu, có lắm thứ giếng mạ, cây cỏ tươi tốt, hoa quả lắm nhiều. Phần nhiều là bồ đào cũng là vật quý, thành ấp có đến số trăm, mỗi mỗi đều riêng có Quân trưởng, đi ở qua lại chẳng cùng bầm thứa mạng lệnh, tuy là phân chia khu vực nhưng đồng gọi chung là nước Nô

Xích Kiến. Từ đó theo hướng tây đi hơn 200 dặm đến nước Giả Thời (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thạch Quốc).

5 - Nước Giả Thời.

Nước Giả Thời chu vi rộng hơn ngàn dặm, phía tây gần Diệp Hà, hai phía đông tây hẹp nhỏ, nam bắc kéo dài, đất đai thích nghi khí hậu thuận hòa đồng như ở nước Ngô Xích Kiến. Có vài mươi thành ấp, mỗi mỗi đều riêng có Quân trưởng, đã không có chúa chung nên mọi việc làm đều tùy thuộc Đột Quyết. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn ngàn dặm đến nước Bố Hãn.

6 - Nước Bố Hãn.

Nước Bố Hãn chu vi rộng hơn 4000 dặm, núi bao bọc quanh bốn phía, đất đai phì nhiêu, lúa má gặt hái nhiều lắm và có nhiều hoa quả, thích nghi với dê ngựa, khí hậu thần tự gió lạnh, con người mang tánh cứng mạnh, nói năng khác với các nước, hình dáng xấu xí. Từ vài mươi năm trở lại không có quân trưởng lớn, nên các nhà giàu có đứng đầu dốc sức đua tranh chẳng chịu khước phục, nương theo sông chiếm cứ điểm hiểm trở, họa vẽ đồng hoang phân chia đô thành. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn ngàn dặm đến nước Tốt Đồ Lợi Sắt Na.

7 - Nước Tốt Đồ Lợi Sắt Na.

Nước Tốt Đồ Lợi Sắt Na chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm, phía đông gần với Diệp Hà, từ Diệp Hà xuất sinh ra đồng bằng phía bắc Thông Lĩnh, và về phía tây bắc là dòng nước lắm nhiều dơ bẩn vẫn đục, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Giả Thời. Tự có vua nhưng phụ thuộc với Đột Quyết. Từ đó theo hướng tây bắc vài bãi sa mạc lớn, tuyệt không có cỏ nước, đường đi mờ mịt, biên cương khó lường biết. Trông nhìn theo núi lớn và tìm di cốt để biết phương hướng. Để ghi đường đi qua. Đi hơn 500 dặm đến nước Tạt Mạt Kiến (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Khương).

8 - Nước Tạt Mạt Kiến.

Nước Tạt Mạt Kiến chu vi rộng khoảng 1600 - 1700 dặm, hai phía đông tây dài, hai phía nam bắc nhỏ hẹp. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, rất hiểm trở bền chắc và lắm nhiều người sinh sống. Những người từ các xứ khác buôn bán vật báu phần nhiều hay sản sinh giống ngựa hay, kỹ nghệ cơ xảo đặc biệt khéo léo hơn hẳn so với

các nước khác. Khí hậu hòa sướng, phong tục mạch cứng. Phàm người Hồ ở các nước hiện ở trong đó mọi sự đi ở oai nghi xa gần mỗi mỗi đều theo phép tắc nước đó. vua nước đó giàu mạnh, các nước láng giềng, binh ngựa mạnh đông phần nhiều là Giả Yết. Người Giả Yết tánh khí mạnh dữ, trông thấy chết như trở về, nên đánh không có địch thủ phía trước. Từ đó theo hướng đông nam đến nước Nhị Mạt Hạ (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Mễ).

9 - Nước Nhị Mạt Hạ.

Nước Nhị Mạt Hạ chu vi rộng 400 - 500 dặm, chiếm cứ trong sông, hai phía đông tây nhỏ hẹp, hai phía nam bắc dài. Đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ đó theo hướng bắc đến nước Khư Bố Đát Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Tào).

10 - Nước Khư Bố Đát Na.

Nước Khư Bố Đát Na chu vi rộng 1400 - 1500 dặm, hai phía đông tây dài hai phía nam bắc nhỏ hẹp, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ nước đó theo hướng tây đi hơn 300 dặm đến nước Khuất Sương Nhĩ Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Hà).

11 - Nước Khuất Sương Nhĩ Ca.

Nước Khuất Sương Nhĩ Ca chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm, hai phía đông tây nhỏ hẹp hai phía nam bắc dài, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ nước đó theo hướng tây đi hơn 200 dặm đến nước Hát Hãn (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Đông An).

12 - Nước Hát Hãn.

Nước Hát Hãn chu vi rộng hơn 1000 dặm, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ nước đó theo hướng tây đi hơn 400 dặm đến nước Bồ Hát (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Trung An).

13 - Nước Bồ Hát.

Nước Bồ Hát chu vi rộng khoảng 1600 - 1700 dặm, hai phía đông tây dài, hai phía nam bắc hẹp nhỏ. Đất đai thích nghi về phong tục đồng

như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ nước đó theo hướng tây đi hơn 400 dặm đến nước Phật Địa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Tây An).

14 - Nước Phật Địa.

Nước Phật Địa chu vi rộng hơn 400 dặm, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 500 dặm đến nước Hóa Lợi Tập Di Già.

15 - Nước Hóa Lợi Tập Di Già.

Nước Hóa Lợi Tập Di Già thuận theo hai bên bờ sông Phược Sô, hai phía đông tây rộng khoảng 20 - 30 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 500 dặm. Đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Phược Địa, nói năng có phần khác nhau chút ít. Từ nước Táp Mạt Kiến theo hướng tây nam đi hơn 300 dặm đến nước Yết Sương Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Sử).

16 - Nước Yết Sương Na.

Nước Yết Sương Na chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm vào núi, đường núi gập ghềnh, khe lạch hiểm trở. Đã không có làng người ở lại thiếu cỏ nước. Theo về hướng đông nam đi bằng đường núi hơn 300 dặm, vào Thiết Môn (cửa sắt). Thiết môn hai bên phải trái mang đeo theo núi, núi rất cao vút, tuy có đường tắt cặp theo, lại thêm hiểm trở, hai bên vách đá sắc màu như thiết (sắt). Đã có đặt cánh cửa. Nhân sự bền chắc và hiểm nguy ấy nên bèn lấy đó mà đặt tên. Ra khỏi Thiết môn đến nước Đổ Hóa La (xưa trước gọi là nước Thổ Hỏa La tức là sai nhầm vậy).

Địa thế nước Đổ Hóa La hai phía nam bắc rộng hơn ngàn dặm, phía đông tây dài hơn 3000 dặm. Phía đông hiểm ác bởi Thông Lãnh, phía tây tiếp liền với Ba Thích Tư, phía nam là núi tuyết lớn và phía bắc là Thiết môn. Theo dòng nước đổ về phía tây trong cảnh vực của sông lớn Phược Sô, từ vài trăm năm trở lại đây, vương tộc tuyệt tự không người kế thừa. Do đó các nhà giàu có dốc sức đua tranh, mỗi tự chiếm cứ làm quân trưởng. Men theo sông y cứ nơi hiểm trở phân chia thành 27 nước. Tuy họa đồ phân khu nhưng đều phục dịch tùy thuộc Đột Quyết. Khí hậu đã ấm nhưng dịch bệnh cũng nhiều. Cứ cuối đông đầu xuân, mưa phùn lâm râm tương tục. Nên từ xứ đó trở về hướng nam, và

thuộc phía bắc của nước Lạ Ba thì nước đó phong thổ đều lắm dịch bệnh. Và chư tăng lấy ngày 16 tháng 12 bắt đầu vào an cư, đến ngày 15 tháng 03 năm sau là giải chế an cư. Đó là y cứ theo nói lắm mưa, và cũng là thiết giáo tùy thời vậy. Tập tục xứ đó thì dân chúng chí tánh nhút nhát, dung mạo xấu xí. Hơi biết tin nghĩa, không sự khi dối, nói năng đi đứng, có phần khác biệt so với các nước. Nguồn gốc chữ viết chỉ có 25 từ, lần lượt mà phát sinh, dùng đó có đủ mọi vật. Viết thì viết ngang, đọc từ trái sang phải, văn ký dần nhiều vượt rộng hơn nước Tốt Lợi (Tốt Đổ Lợi Sất Na). phần nhiều vận mặc áo giạ, ít mặc áo vải hạt thô. Buôn bán đổi chác dùng bằng tiền vàng tiền bạc, hình dạng khác biệt so với các nước. Từ đó thuận theo hạ lưu phía bắc sông Phược Sô đến nước Đất Mật.

17 - Nước Đất Mật.

Nước Đất Mật hai phía đông tây dài hơn 600 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 400 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Hai phía đông tây dài, hai phía nam bắc hẹp nhỏ. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng hơn ngàn vị. Các Tốt-đổ-ba; tức xưa trước gọi là Phược Sô, còn gọi là Thâu Bà, lại còn gọi là Tư Thâu Bá, lại còn gọi là Tẩu Đẩu Ba, đều là sai nhầm vậy. Và các tôn tượng Phật lắm thần dị có linh giám vậy. Từ đó theo hướng đông tức đến nước Xích Ngạc Diễn Na.

18 - Nước Xích Ngạc Diễn Na.

Nước Xích Ngạc Diễn Na hai phía đông tây rộng hơn 400 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Có năm ngôi già lam, chư tăng rất hiếm ít. Từ đó theo hướng đông đến nước Hốt Lộ Ma.

19 - Nước Hốt Lộ Ma.

Nước Hốt Lộ Ma hai phía đông tây rộng hơn trăm dặm, hai phía nam bắc dài hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. vua nước đó là Hề Tố; người xứ Đột Quyết. Có hai ngôi Già Lam, chư tăng có hơn trăm vị. Từ đó về hướng đông tức đến nước Thâu Mạn.

20 - Nước Thâu Mạn.

Nước Thâu Mạn hai phía đông tây dài hơn 400 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn trăm dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 16, 17 dặm. vua nước đó cũng là Hề Tố; người xứ Đột Quyết. Có hai

ngôi già lam, chừ tăng rất hiếm thiếu. Từ đó về phía tây nam gần sông Phục Sô rồi đến nước Cúc Hòa Diễn Na.

21 - Nước Cúc Hòa Diễn Na.

Nước Cúc Hòa Diễn Na hai phía đông tây rộng hơn 200 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, có ba ngôi già lam, chừ tăng có hơn trăm vị. Từ đó theo hướng đông đến nước Hoạch Sa.

22 - Nước Hoạch Sa.

Nước Hoạch Sa hai phía đông tây rộng hơn 300 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 16, 17 dặm. Từ đó theo hướng đông đến nước Kha Đốt La.

23 - Nước Kha Đốt La.

Nước Kha Đốt La hai phía đông tây rộng hơn ngàn dặm, hai phía nam bắc cũng rộng hơn ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Phía đông tiếp liền với Thông Lãnh rồi đến nước Câu Mê Đà.

24 - Nước Câu Mê Đà.

Nước Câu Mê Đà hai phía đông tây dài hơn 2000 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 200 dặm, y cứ trong Đại Thông Lãnh. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Về phía tây nam gần sông Phục Sô. Phía nam tiếp liền với các nước Thi Khí Ni, rồi theo hướng nam vượt qua sông Phục Sô đến nước Đạt Ma Tất Thiết Đế, nước Bát Đạt Sáng Na, nước Dâm Đẳng Kiện, nước Khuất Lũng Noa, nước Hý Ma Đát La, nước Bát Lợi Hạt. Nước Ngột Lật Sắc Ma, nước Hạt Ca Hồ, nước A Lợi Ni, nước Măng Kiện. Từ nước Hoạt theo hướng đông nam đến nước Khoát Tất Đa, nước An Đát La Phục, mọi sự như ghi tả ở Hồi Ký. Từ nước Hoạt theo hướng tây nam đến nước Phục Già Lãng.

25 - Nước Phục Già Lãng.

Nước Phục Già Lãng hai phía đông tây rộng hơn 50 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 200 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Từ đó theo hướng nam đến nước Hột Lộ Tất Mẫn Kiện.

26 - Nước Hột Tất Mẫn Kiện.

Nước Hộ Tất Mẫn Kiện chu vi rộng hơn ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó rộng khoảng 14 - 15 dặm. Từ đó theo hướng tây bắc đến nước Hốt Lãm.

27 - Nước Hốt Lãm.

Nước Hốt Lãm chu vi rộng hơn 800 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 5 - 6 dặm. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng hơn 500 vị. Từ đó theo hướng tây đến nước Phược Hát.

28 - Nước Phược Hát.

Nước Phược Hát hai phía đông tây dài hơn 800 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 400 dặm, phía bắc gần sông Phược Sô. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, mọi người đều gọi đó là “Tiểu vương xá thành”. Thành đô tuy xưa cũ, người ở rất ít. Đất đai sản sinh ra vật loại rất nhiều, từ sông nước đến đất liền có các giếng hoa khó thể nêu bày đủ cả. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa.

Tại phía tây nam ngoài thành có một ngôi Tăng-già lam tên là Nạp Phược (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là chùa Tân) do vị tiên vương nước đó tạo lập nên. Các vị luận sư tạo luận ở phía bắc núi tuyết lớn chỉ có các vị ở chùa đó là sự nghiệp mỹ mãn không ngấm mất. Chùa đó có tôn tượng Phật dùng bằng các vật báu danh tiếng trang nghiêm ánh ngời. Phòng nhà trang nghiêm bằng các vật báu kỳ lạ. Nên Quân trưởng ở các nước vì ham lợi nên đánh cướp. Chùa ấy vốn có tôn tượng Tỳ Sa-môn Thiên Oai linh xem xét, rất đáng nường cậy thần gia hộ gìn giữ. Gần đây có Tứ Diệp Hộ Khả Hàn con của Diệp Hộ Khả Hàn; vua xứ Đột Quyết đốc hết bộ lạc dẫn hết binh lính vội nhóm tụ đến chùa ấy mưu toan cướp lấy vật báu. Cách đó không xa bèn nhóm tụ quân lính dừng nghỉ giữa đồng. Đêm đó mộng thấy tỳ Sa-môn Thiên đến bảo rằng: “Ông có sức lực gì mà dám phá hoại chốn già lam?”. Và nắm kích dài đâm suốt từ trước ngực xuyên lui sau lưng. Tứ Diệp Hộ Khả Hàn kinh sợ tỉnh giấc bèn cảm thấy đau nhói nơi tim, liền bảo cho tất cả mọi người tùy từng biết rõ về mộng cảm trạng trị lỗi quá, vội thỉnh cầu chúng tăng để tỏ bày sám tạ, nhưng chưa kịp theo như ước muốn bèn đã chết mất. Trong Phật đường ở phía nam chùa ấy có chiếc bồn đức Phật tẩm có thể dung chứa được hơn một đấu nước, có các tạp sắc ánh ngời, khó thể gọi đó là bằng vàng hay bằng đá vậy. Lại có một chiếc răng của đức Phật dài hơn một tấc, rộng khoảng 8 - 9 phân, sắc màu trắng

chất thuần sáng sạch. Lại có cái chổi của đức Phật quét được làm bằng loại cỏ ca xa dài hơn 2 thước, vòng đai rộng khoảng 7 tấc, cán nắm được trang sức bằng các vật báu tạp. Với ba loại vật trên, mỗi lúc đến sáu ngày trai các hàng pháp tục đều cùng nhóm tụ thiết bầy cúng dường, do sự chí thành cảm nên hoặc tỏa phóng ánh sáng v.v...

Phía bắc chùa ấy có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, được dùng bằng các chất kim cương khảm thếp các vật báu trang sức nên. Bên trong có xá lợi, luôn có đèn đuốc tỏa ánh sáng linh.

Phía tây nam chùa đó có một Tinh Lô, từ khi tạo lập trở lại nay đã trải qua thời gian lâu dài. Những bậc cao tài nhóm tụ, từ phương xa đua nhau đến, những vị đã chứng đắc tứ quả khó thể nêu bày rõ. Nên các vị A-la-hán lúc sắp nhập niết bàn, thị hiện sức thần thông, mọi người đều nhận biết mới có tạo lập các Tốt-đổ-ba, vết tích nền móng cùng gần nhau có hơn vài trăm ngôi vậy. Tuy có những vị đã chứng đắc Thánh quả nhưng khi thị tịch không hiện sức thần thông cũng có đến số ngàn nhưng không tạo lập Tốt-đổ-ba và phong ký. Hiện nay chư tăng có hơn trăm vị ở đó, sớm tối chẳng biếng trễ công phu, nên Thánh phàm khó thể lường biết được.

Từ đô thành lớn theo hướng tây bắc đi hơn năm dặm tức đến thành Đề Vị. Từ thành ấy về hướng bắc đi hơn 40 dặm có thành Ba Lợi. Trong các thành trên mỗi mỗi đều có một Tốt-đổ-ba cao hơn ba trượng, xưa kia lúc đức Như Lai mới chứng thành Phật quả, từ tòa Bồ-đề đứng dậy chỉ hướng đi đến vườn nai. Khi ấy có hai ông trưởng giả gặp được ánh sáng oai thần của Phật nên men theo đường đức Phật đi và bèn dâng cúng bún, mật. Đức Thế Tôn vì đó mà giảng nói về phước của người trời. Đó là hai người đầu tiên được nghe nói về năm giới và mười điều thiện vậy. Khi đã được nghe giảng pháp, và thỉnh cầu cúng dường rồi, đức Phật bèn trao cho tóc và móng tay. Hai ông trưởng giả ấy đưa về nước mình với nghi thức nghinh thỉnh rất cung kính. Đức Như Lai lại trao cho Tăng-già Chi (xưa trước gọi là Tăng Kỳ Lê tức sai nhầm vậy) vuông bằng giạ trải phía dưới. Tiếp lại trao cho Uất Đa-la tăng, tiếp nữa trao cho Tăng Tức Khi (xưa trước gọi là Tăng Kỳ Chi là sai nhầm vậy). Lại che đậy bình bát, cấm chống tích trượng. Cứ như vậy theo thứ tự tạo lập Tốt-đổ-ba. Hai ông trưởng giả ấy vâng thừa mạng lệnh trở về trong thành ấy, phỏng theo nghi thức Thánh chỉ thử tu tạo dựng lập đó. Đó tức là những ngôi Tốt-đổ-ba đầu tiên trong giáo pháp của đức Phật Thích-ca vậy.

Từ thành ấy đi về phía tây cách hơn 70 dặm có một ngôi Tốt-đổ-

ba cao hơn hai trượng được tạo dựng từ thời đức Phật Ca Diếp Ba. Từ thành lớn theo hướng tây nam vào núi tuyết rồi đi đến nước Duệ Mạt Đà.

29 - Nước Duệ Mạt Đà.

Nước Duệ Mạt Đà hai phía đông tây rộng khoảng 50 - 60 dặm, hai phía nam bắc dài hơn trăm dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Từ đó lại theo hướng tây nam đến nước Hồ Thật Kiện.

30 - Nước Hồ Thật Kiện.

Nước Hồ Thật Kiện hai phía đông tây rộng hơn 500 dặm, hai phía nam bắc dài hơn ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Xứ đó có lắm nhiều núi sông, nơi sản sinh ra giống ngựa hay tốt. Từ đó theo hướng tây bắc đến nước Đất Thích Kiện.

31 - Nước Đất Thích Kiện.

Nước Đất Thích Kiện hai phía đông tây dài hơn 500 dặm, hai phía nam bắc rộng khoảng 50 - 60 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Phía tây tiếp giáp với biên giới nước Ba Thích Tư. Từ nước Phược Hát theo hướng nam đi hơn trăm dặm đến nước Yết Chức.

32 - Nước Yết Chức.

Nước Yết Chức từ đông sang tây dài hơn 500 dặm, từ nam sang bắc rộng hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 4 - 5 dặm. Đất đai sành sỏi cứng nhắc gò đồi nối liền, hiếm ít hoa quả, có lắm nhiều tiêu, lúa tẻ, khí hậu rét lạnh, phong tục cứng mạnh. Có hơn 10 ngôi già lam. Chư tăng có hơn 300 vị, đều học theo giáo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Từ đó theo hướng đông nam vào núi tuyết lớn, hang núi cao sâu, hang đảnh hiểm nguy, gió tuyết tương tục, đến giữa mùa hạ vẫn đóng băng, tuyết chứa đầy hang, đường khe trắc hiểm khó vượt qua. Thần núi quỷ my, túng bạo yêu sùng. Trộm cướp đông nhiều tung hoành, chuyên làm việc giết hại. Đi hơn 600 dặm ra khỏi cảnh vực nước Đổ Hóa La, đến nước Phạm Diễn Na.

33 - Nước Phạm Diễn Na.

Nước Phạm Diễn Na từ đông sang tây dài hơn 200 dặm, từ nam sang bắc rộng hơn 300 dặm, tại trong núi tuyết. Mọi người men theo hang núi tìm thế lập ấp sinh sống. Đô thành lớn của nước đó men theo

sườn núi vượt hang cốc dài khoảng 6 - 7 dặm, phía bắc gối lưng đỉnh núi cao. Xứ đó có giống lúa túc mạch (lúa tẻ), hiếm ít hoa quả, thích nghi chăn nuôi súc vật có lắm nhiều dê ngựa, khí hậu rất rét lạnh. Phong tục cứng mạnh hung ác. Phần nhiều vận mặc y phục bằng da vải hạt, và đó cũng là điểm rất thích nghi, văn hóa chữ nghĩa thuần phong, sử dụng tiền bạc cũng đồng như ở nước Đổ Hóa La, ngôn ngữ có phần ít khác lạ, hình nghi dung mạo phần lớn tương đồng. Tâm tánh thuần tín đặc biệt rất gần nước nhà. Trên từ Tam bảo, dưới đến trăm thần, không đối với gì chẳng dốc tâm chí thành tôn kính. Các khách thương buôn bán qua lại, trời thần hiện chứng điềm lành, nêu bày cao sùng biểu hiện cầu phước đức. Có khoảng vài mươi ngôi già lam. Chư tăng khoảng vài ngàn vị, tôn kính tập học giáo nghĩa Tiểu thừa thuyết xuất thế bộ. Tại núi ở phía đông bắc vương thành có tôn tượng đức Phật đứng bằng đá cao khoảng 140 - 150 thước sắc màu vàng ròng sáng rỡ, dùng các vật báu trang nghiêm ánh ngời. Về phía đông có một ngôi già lam do tiên vương nước đó tạo lập, phía đông ngôi già lam ấy có tôn tượng đức Phật Thích-ca đứng bằng đá thau cao hơn trăm thước, phân thân riêng nhiều phần để chú đúc rồi ghép lại thành tôn tượng đứng.

Từ thành ấy về hướng đông cách khoảng 12 - 13 dặm, trong một ngôi già lam có tôn tượng đức Phật nằm nhập niết bàn dài hơn ngàn thước. vua nước ấy thường đến tại đó thiết lập đại trai hội thí vô già. Trên từ vợ con dưới đến vật báu nước nhà, kho lẫm đã dốc hết, lại dùng tự thân để bố thí. Các quan tước liêu tả đến trong chúng tăng thù đáp cầu chuộc. Cứ như thế lấy làm việc thường chuyên vậy.

Từ ngôi già lam có tôn tượng đức Phật nằm ấy theo hướng đông nam đi hơn 200 dặm, vượt qua núi tuyết lớn, lại theo hướng đông đến đầm sen nhỏ, suối ao lắng trong như kiếng soi cây rừng thông xanh, có ngôi Tăng-già lam. Bên trong có chiếc răng của đức Phật và răng vị Độc giác ở thời kiếp sơ dài hơn năm tấc rộng gần bốn tấc. Lại có chiếc răng của Kim Luân Vương dài ba tấc rộng hai tấc. Lại có bình bát bằng sắt của Đại A-la-hán Thương Nặc Ca Phược Sa (xưa trước gọi là Thương Na Hòa Tu là sai nhầm vậy) hành trì lường khoảng 8 - 9 thặng. Cả ba di vật của Thánh hiền đó đều dùng vàng ròng phong bịt. Lại có pháp y Tăng-già chi 9 điều của A La Há Thương Nặc Ca Phược Sa sắc màu đỏ tía được dùng bằng loại da cỏ Ca nặc ca dệt thành. Thương Nặc Ca Phược Sa là đệ tử của tôn giả A-nan, nhân trong đời trước đem áo cỏ Nặc Ca cúng thí chúng tăng trong ngày giải An Cư. Do phước lực đó mà trong 500 đời tự thân thường mặc loại áo ấy. Đến thân ở đời cuối cùng

áo ấy cùng từ bào thai đồng sinh ra. Đến lúc gặp được tôn giả A-nan độ cho xuất gia thì áo ấy biến thành pháp phục, đến lúc thọ giới cụ túc lại biến thành pháp y Tăng-già chi 9 điều. Và lúc sắp lâm chung tịch diệt nhập biên tế định, phát trí nguyện lực lưu lại pháp y ca sa ấy mãi đến khi di pháp của đức Phật Thích-ca diệt hết. Sau khi Di pháp diệt hết pháp y ấy mới biết hoại, nay đã có hư tổn phần nào, nên tin có chứng nghiệm vậy. Từ đó theo hướng đông đi vô núi tuyết trải vượt qua Hắc lãnh đến nước Ca Tất Thí.

34 - Nước Ca Tất Thí.

nước Ca Tất Thí chu vi rộng hơn 4000 dặm, phía bắc gối lưng núi tuyết, còn ba phía kia là Hắc Lãnh. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, đất đai thích nghi giống lúa tẻ, có lắm nhiều cây trái, là nơi sản sinh ra giống ngựa hay tốt, và Uất kim hương. Các phương khác buôn bán vật lạ phần nhiều nhóm tụ tại nước đó. Khí hậu gió rét, con người hung tàn bạo dữ. Ngôn từ nói năng vận mặc xấu xí, hôn nhân loạn tạp. Chữ nghĩa phần lớn đồng như ở nước Đồng Hóa La. Tập tục nói năng thuần phong mỹ giáo rất khác biệt. Vận mặc dùng bằng áo lông áo giạ và thêm loại áo hạt bằng da. Buôn bán đổi chác dùng bằng tiền vàng tiền bạc và tiền đồng nhỏ khuôn khổ hình dạng có khác so với các nước. vua nước đó thuộc chủng tộc Sát đế lợi, rất có trí tuệ mưu lược, tánh tình mạnh mẽ, oai phong thống nhiếp các xứ lân cận có cả thảy hơn 10 cõi nước, mến thương nuôi dưỡng trăm họ. Rất sùng kính Tam bảo, thường năm chú tạo tôn tượng đức Phật bằng bạc cao tượng tám và thiết đại hội thí vô già, chu cấp mọi người nghèo khổ, bố thí cho các kẻ góa bụa. Nước đó có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 6000 vị, phần nhiều đều học tập giáo pháp đại thừa. Các ngôi Tốt-đổ-ba, Tăng-già lam đều cao lớn thoáng rộng trang nghiêm sạch sẽ, có khoảng vài mươi ngôi đền thờ, các hàng đệ đạo có hơn ngàn người, hoặc để loã hình hoặc bôi tro bụi, hoặc xâu đầu lâu làm thành tràng mũ đeo mang.

Từ thành lớn theo hướng đông đi khoảng 3 - 4 dặm, dưới núi phía bắc có một ngôi đại già lam, chư tăng có hơn 300 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Nghe các bậc lão thành nói là: “xưa kia, vua Ca Nị Sắc Ca ở nước Kiên Đà La, oai phong trùm cả các nước láng giềng, phong hóa thấm đượm đến phương xa, ngự trị binh lính mở rộng vùng đất đến tận phía đông thông lãnh. Phiền Duy, Hà Tây sợ oai phong đó nên dâng trao con tin. vua Ca Nị Sắc Ca đã có được con tin lại đặc biệt

thêm lễ, thay đổi cung quán theo thời tiết nóng lạnh, mùa đông thì ở các nước tại Ấn Độ, mùa hạ trở về lại nước Ca Tất Trí, mùa thu và mùa xuân dừng lại ở nước Kiều Đà La, nên các con tin tùy nơi ở hợp với ba mùa mỗi mỗi đều tạo lập già lam. Nay ngôi già lam ấy là dựng lập để ở vào mùa hạ vậy. Nên vách tường phòng nhà đồ họa hình ảnh các con tin, dung mạo và hình thức vận mặc rất đồng như ở đông Hạ. Về sau các con tin được trở về lại đất nước mình mà tâm tình vẫn còn gắn liền nơi chỗ ở cũ. Tuy núi sông cách trở nhưng vẫn không phớt bỏ sự cúng dường. Nên chúng tăng ngày nay mỗi lúc vào an cư và giải chế an cư đều thiết lập Đại pháp hội vì các con tin mà cầu phước tu thiện tương tục không ngưng dứt mãi đến ngày nay.

Tại phía nam cửa cửa phía đông Phật viện già lam có tôn tượng Đại thần vương dưới chân phải chôn giấu vật báu trong đất, do các con tin cất giấu đó, và có khắc ghi rằng: “Đến lúc nào già lam bị hư hoại thì lấy đó để tu sửa. Gần đây có vị ở lân cận tham lam hung bạo nghe ở già lam ấy có cất giấu nhiều vật quý báu, bèn đến xua đuổi chư tăng rồi đào bới, từ trong mào của Thần vương có tượng chim oanh vũ vỗ cánh tung bay kinh sợ kêu réo, đất đai chấn động, vua ấy cùng với quân nhân lung lay ngã té, lâu sau mới dậy được, bèn sám tạ lỗi quá mà trở về.

Trên đỉnh núi phía bắc ngôi già lam ấy có vài ngôi thạch thất là nơi các con tin tu tập thiền định, trong đó cất giấu lắm nhiều vật báu xen tạp. Bên cạnh đó có bài minh khắc ghi, do Dược Xoa gìn giữ, như có người muốn khai phá lấy vật báu trong đó thì thần Dược Xoa ấy biến đổi thân hình khác, hoặc làm hình sư tử, hoặc làm thân hình trăn rắn, thú dữ trùng độc, thân hình khác lạ kinh động giận dữ, cho nên không người nào dám khai phá. Từ thạch thất về hướng tây cách khoảng 2 - 3 dặm, lên trên đỉnh núi lớn có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tuệ. Như có người chí thành cầu nguyện mong trông thấy, Bồ-tát từ trên trong tôn tượng ấy lưu xuất ra thân sắc vi diệu an úy người ấy.

Từ thành lớn về hướng tây nam cách hơn 30 dặm đến Tăng-già lam Hạt La Hổ, bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước. Có lúc đến các ngày trai tảo phóng ánh sáng, hình thế bát úp đập phía trên tảng đá giữa khoảng lỗ hổng lưu xuất mùi dầu Hắc hương, lúc trong đêm thanh vắng nghe có tiếng âm nhạc. Nghe các bậc lão thành nói rằng “xưa trước quan đại thần nước đó tên là Hạt La Hổ tạo lập tháp ấy khi công việc đã hoàn tất, bỗng nhiên trong đêm mộng thấy có người bảo rằng: “người kiếp tạo Tốt-đổ-ba mà chưa có xá lợi, sáng sớm mai có người đem đến dâng tặng vua, người nên đến nơi vua để cầu xin”.

Đến sáng ngày, quan đại thần vào triều đình thưa thỉnh rằng: “chẳng lường sự ngu hiền, thần dám xin có sự nguyện cầu”. vua hỏi: “Ông muốn cầu điều gì?”. Quan đại thần đáp: “Ngày nay có người đem xá lợi hiến tặng, xin dũ ân ban cho!”. vua bảo: “Được vậy!”. Quan đại thần Hạp La Hổ bèn đứng tại cửa cung đợi chờ trông mong người đến. Bỗng chốc có người mang bình xá lợi đi đến. Quan đại thần Hạp La Hổ hỏi: “Người dâng hiến vật gì vậy?”. Người ấy đáp: “Xá lợi của đức Phật!”. Quan đại thần Hạp La Hổ bảo: “Tôi sẽ vì ông giữ lại đây. Ông nên vào tâu cùng vua trước”. Đại thần Hạp La Hổ khi ấy bèn nghĩ sợ vua sẽ trân quý xá lợi, bèn hối hận ân trước nên vội chạy sang Tăng-già lam, leo lên Tót-đổ-ba, do sự chí thành cảm nên, tảng đá hình bát úp đập ấy tự nhiên mở ra, bèn tôn trí xá lợi vào đó rồi vội rút lui mà còn kẹt lại vạt áo. vua sai xứ đuổi theo, vừa đến nơi thì đá bịt lại vậy, nên giữa khoảng lỗ hồng tỏa mùi dầu hắc hương.

Từ thành ấy về phía nam cách hơn 40 dặm là đến thành Tập Tệ Đa Phật Thích Tử. Phàm những lúc đất đai chấn động, núi đồi sụp đổ, chung quanh ranh giới thành ấy trọn không lay động. Từ thành Tập Tệ Đa Phật Thích Tử theo hướng nam đi hơn 30 dặm là đến núi A Lộ Nhu, sườn đánh cao vót, hang núi mịt mờ. Đánh núi đó mỗi năm cao dần vài trăm thước, cùng đồng ngang núi Sô Na Hý La ở nước Tào Cử Tra phẳng phất cùng trông thấy nhau thì bên liền sụp đổ. Nghe các hoàng sĩ tục nói rằng: “mới đầu thần trời Sô Na từ nơi xa mà đến, muốn dừng trụ ở tại núi đó. thần núi đô kinh động tức giận lay động khe hang. Thần trời nói là “do không muốn cùng chung ở một nhà nên khuynh động như vậy. Nên đuổi chút tình khách chủ, sẽ cùng doanh tạo của báu. Nay tôi sang núi Sô Na Hý La ở nước Tào Cử Tra, mỗi năm đến nhận sự cúng tế của vua và đại thần nước tôi sẽ cùng trông gặp nhau”. Nên núi A Lộ Nhu tăng cao, thế rồi sau đó liền sụp đổ”.

Từ Vương thành theo hướng tây bắc đi hơn 200 dặm đến núi Tuyết lớn. Trên đỉnh núi có ao. Mọi người cầu mưa cầu tạnh, v.v... tùy sự mong cầu thủy đều được mãn nguyện. Nghe các bậc lão túc nói rằng: “xưa kia tại nước Ma-kiệt-đà có vị A-la-hán thường thọ nhận sự cúng dường của vua rồng ao ấy. Thường ngày đến giờ thọ trai, vị A-la-hán ấy vận dụng sức thần ngồi nơi thềm sân rồi bay bổng giữa không trung mà sang. Có vị sa di làm thị giả ẩn kín dưới thềm sâu men vịn trốn trong đó. khi vị A-la-hán đó sang đến cung rồng mới thấy có vị sa di đi do cùng theo. vua rồng nhân đó thỉnh mời ở lại dùng cơm. vua rồng đem cơm cam lồ cõi trời dâng cúng vị A-la-hán, ma đem cơm nhân gian tiếp

đãi vị sa di đó. Vị A-la-hán sau khi thọ trai xong bèn vì vua rồng mà giảng nói các pháp yếu. Vị sa di ấy vẫn như thường ngày rửa dọn mọi vật chén bát của thầy. Nơi chén bát có sót lại vài hạt cơm có mùi thơm tỏa ngát. Vị sa di ấy liền sinh khởi ý niệm xấu xác, buồn hận thầy tức giận rồng mà nguyện đem tất cả các thứ phước lực có được nay đây thầy đều hiển hiện để đoạn dứt mạng sống rồng ấy. Và ta sẽ tự làm vua. Khi vị sa di ấy phát lời nguyện đó, vua rồng đã cảm thấy trong đầu mình đau nhức. Vị A-la-hán dạy bày các pháp can răn dẫn dụ. Vua Rồng sám tạ lỗi quấy tự trách thân mình. Nhưng vị sa di ấy vẫn ôm hoài tức giận không nhận sự hối tạ đó. Thế rồi trở về lại trong già lam, chí thành phát nguyện. Do phước lực cảm nên, đêm đó vị sa di ấy mạng chung làm vua Rồng lớn, oai thế mạnh dữ phấn phát bèn vào nơi ao giết hại vua Rồng ấy rồi vào ở nơi cung Rồng, tất cả bộ thuộc của vua Rồng trước thầy đều tuân vâng theo mạng lệnh. Do vì nguyện lực xưa trước nên dấy nổi mưa gió bão bùng, nhổ bẻ cây cối muốn phá hoại ngôi già lam. Khi ấy vua Ca Nị Sắc Ca lấy làm quá lạ nên hỏi. vị la hán đó bèn đem đầy đủ sự tình tấu bày cùng vua. vua liền vì Rồng (tức vị sa di xưa trước) mà đến dưới núi tuyết tạo dựng ngôi già lam và Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước. Rồng vẫn ôm hoài sự tức giận xưa trước, bèn nổi gió mưa. vua lấy sự rộng tế độ làm tâm. Rồng nương sự tức giận mà hung bạo, nên ngôi Tăng-già lam và Tốt-đổ-ba đó trải qua sáu lần bị hủy hoại, bảy lần tạo dựng nên. vua Ca Nị Sắc Ca lấy làm xấu hổ công nguyện chẳng thành bèn muốn sang lấp ao rồng hủy phá nhà ở, nên liền khởi động binh lính đông nhiều đến dưới núi tuyết. Khi đó, vua Rồng ấy trong lòng rất lo sợ, biến hình làm một vị Bà-la-môn đến cúi đầu trước voi vua mà can ngăn rằng: “Đại vương xưa trước vốn gieo gốc lành, rắc nhiều nhân tố ưu thắng, được làm vua trong cõi người không nghĩ chẳng báo, ngày nay cơ sao lại giao tranh với loài Rồng? Phàm Rồng tức là súc vật, loài xấu ác thấp hèn, nhưng có oai thế lớn, ta không thể dùng sức mà đua tranh. Rồng nương mây cưỡi gió, vượt đạp giữa hư không, chìm lặn trong biển nước, sức người không thể ngăn chế nổi. Đâu dễ như sự tức giận trong lòng vua nghĩ tưởng ư? Nay vua dấy động binh lính khắp cả nước cùng tranh đấu với một con Rồng, nếu thắng thì oai lực của vua cũng chẳng nhiếp phục đến xa, còn nếu thất bại hẳn vua sẽ xấu hổ với kẻ địch. Do đó vì vua xin cùng bàn tính nên có thể cho binh lính rút lui trở về”. Vua Ca Nị Sắc Ca chưa chịu nghe theo đó. Rồng bèn trở lại nơi ao tuông phát âm thanh chấn động sấm sét nổ đùng, gió bão đẩy nhổ cây cối, cát đá tuông đổ như mưa, mây mố mờ tối, khiến quân ngựa

đều kinh sợ, vua mới quy mạng Tam bảo, cầu xin sức gia hộ, nói rằng: “xưa trước gieo trồng lăm việc phước, nay được làm vua cõi người, oai lực nhiếp chế địch mạnh, thống trị cả thiện bộ châu, mà nay bị Rồng là loài súc vật khuấy động, thật là bởi tôi phước bạc vậy! Nguyện xin tất cả phước lực có được ngay hiện tại đây, giữa khoảng chặn mây nổi lên khói lửa lớn, khiến Rồng rút lui gió lất mưa móc cuốn mất mây tan”. vua bèn khiến quân lính đông nhiều người vác một tảng đá đến bít lấp ao rồng. Rồng trở lại biến làm thân vị Bà-la-môn lại cầu xin cùng vua rằng: “Tôi là vua Rồng ở ao ấy, khiếp sợ oai thế của vua, nay xin quy mạng. Cầu xin vua rủ lòng thương xót ban tha cho lỗi quá xưa trước. vua vốn mang ngậm chở che mạng sống sinh linh. Cớ sao nay riêng đối với tôi mà gia tâm muốn hại. Nếu vua giết tôi, tôi sẽ cùng vua đều sa đọa vào đường xấu ác. Vì vua có tội cắt đứt mạng sống, còn tôi có tâm ôm hoài thù hận, nghiệp báo rõ ràng thiện ác rành rành vậy!”. Vua bèn cùng rồng (tức Bà-la-môn) minh bạch lập nên khế ước. Về sau nếu như có trái phạm thì không thể cùng dung tha. Rồng nói: “Tôi vì hạnh nghiệp xấu ác nên thọ thân nhận chịu làm loài rồng, mà Rồng vốn tánh mạnh dữ không thể tự gìn giữ. Mỗi khi tâm sân đã dấy khởi hẳn sẽ quên sự khế ước. Nay vua trở lại tạo lập ngôi già lam, tôi không dám phá hủy nữa, nhưng xin hãy bảo có một người hầu luôn trông nhìn trên đỉnh núi, nếu như có mây đen nổi lên, xin gấp đánh kiền chùy. Tôi nghe âm thanh đó, tâm xấu ác liền tan mất”. Khi đó, vua trở lại lên ngôi già lam, xây dựng Tốt-đổ-ba. Có người hầu trông canh mây khói nổi đến nay vẫn không ngưng nghỉ”. Lại nghe các bậc Lão túc nói là: “trong Tốt-đổ-ba có xá lợi cốt thịt của đức Như Lai nhiều hơn một thặng. Có những sự thần diệu chẳng thể thuật bày rõ ràng nổi. Có một lúc từ trong Đổ tốt ba bỗng nhiên có khói nổi lên, chốc lát bàn phát ra lửa dữ. Mọi người thời bấy giờ cho là Tốt-đổ-ba đã theo lửa mà tiêu mất. Cứ chiêm ngưỡng lâu sau, lửa tắt khói tiêu, mới thấy xá lợi như phan cầu sắc trắng xoay quanh ngoài trụ uyển chuyển mà lên, lên cao đến giữa khoảng mây cuộn lượn xoay mà xuống lại.

Từ Vương thành về phía tây bắc, trên bờ phía nam sông lớn có ngôi già lam cự vương, bên trong có chiếc răng sữa của Bồ-tát Thích-ca lúc bé thơ sắc màu vàng trắng lớn hơn một tấc, về phía đông nam ngôi già lam ấy lại có một ngôi già lam cũng tên là cự vương có một mảnh xương cốt đánh đầu đức Như Lai mặt rộng hơn một tấc sắc màu vàng trắng lỗ chân tóc rõ ràng, lại có tóc của đức Như lai, tóc sắc màu xanh biếc, búi tóc quấn xoay về phía hữu kéo ra dài hơn một thước, cuốn lại

còn khoảng nửa tấc. Phàm nơi có ba sự ấy, mỗi lúc đến sáu ngày trai, vua cùng các quan đại thần đều rải hoa cúng dường.

Từ ngôi già lam có cốt xương đánh đầu về phía tây nam có ngôi già lam cự vương phi. Bên trong có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đồng và vàng cao hơn trăm thước. Nghe các hàng sĩ tục kể rằng: “trong Tốt-đổ-ba đó có hơn một thặng xá lợi Phật. Vào ngày 15 của mỗi tháng đêm đó bèn tỏa phóng ánh sáng vòng tròn soi sáng hiện bày mây, ánh ngời như thế đến gần sáng hôm sau ánh sáng mới dần thâu lại vào trong Tốt-đổ-ba. Từ thành về phía tây nam có núi Tỳ la sa lạc, (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tượng Kiên). Thần núi đó biến làm hình voi (tượng) nên gọi là Tượng Kiên vậy. Xưa kia, khi đức Như Lai còn tại thế, thần Tượng Kiên phụng thỉnh đức Thế Tôn cùng 1200 vị Đại A-la-hán, trên đỉnh núi có một tảng đá lớn, đức Như Lai bèn đến đó nhận sự cúng dường của Thần. Sau đó, vua Vô Ưu bèn đến trên tảng đá tạo lập ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước. Người đời nay gọi đó là ngôi Tốt-đổ-ba Tượng Kiên vậy”. Cũng còn có người nói ở bên trong có hơn một thặng xá lợi của đức Như Lai.

Về phía bắc Tốt-đổ-ba Tượng Kiên, dưới hang núi có một suối Ròng, là nơi xưa kia đức Như Lai đã thọ nhận cơm của thần cúng dường rồi, cùng các A-la-hán đến trong đó súc miệng nhắm nhàn dương, nhân đó bèn cấm rễ, nay thành rừng tươi tốt. Người sau đến đó dựng lập ngôi già lam tên là Tỳ Đạt Khư (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tước Dương Chi). Từ đó theo hướng đông đi hơn 600 dặm, hang núi tiếp liền đỉnh núi cao vợi, vượt qua Hắc Lãnh vào cảnh giới phía bắc Ấn Độ vào nước Loạn Ba (thuộc bắc Ấn Độ).

